TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 19/2026/QĐST-DS	*Đồng Tháp, ngày 24 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 11 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 480/2025/TLST-DS, ngày 31 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP H.

Địa chỉ trụ sở chính: 54A Nguyễn Chí T, Phường L, Quận Đ, Thành phố Hi. (nay địa chỉ mới là: 54A Nguyễn Chí T, Phường L, Thành phố H).

Địa chỉ liên lạc: Tầng 12, Tòa nhà R, số 180 - 192 Nguyễn C, Phường N, Quận 1, Thành phố H. (nay địa chỉ mới là: Tầng 12, Tòa nhà R, số 180 - 192 Nguyễn C, Phường B, Thành phố H).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng L, Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP H. Ủy quyền cho: Ông Bùi Đức Q, Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Q (Theo Giấy ủy quyền số 12402/2023/UQ-TGĐ12, ngày 29/12/2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP H, V/v: Khởi kiện, tham gia tố tụng, thi hành án, khiếu nại và tố cáo); Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Đức Q: Ông Nguyễn Quốc P, sinh năm 1980; Chức vụ - Giám đốc tố tụng (Theo Giấy ủy quyền số 1285/2026/UQ-TGĐ12, ngày 09/02/2026).

Thông tin liên lạc: Ông Trần Lê P; Địa chỉ liên lạc: Tầng 12, Tòa nhà R, 180-192 Nguyễn C, Phường N, Quận 1, Thành phố H. (nay địa chỉ mới là: Tầng 12, Tòa nhà R, số 180 - 192 Nguyễn C, Phường B, Thành phố H.)

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989.

2. Bà Trương Thị Mỹ C, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ thường: Ấp 4, xã B, huyện T (nay là xã B), tỉnh Đ.

Cùng địa chỉ liên lạc: Số 73 Nguyễn Thị Minh K, phường 1, thành phố C (nay là phường C), tỉnh Đ.

Địa chỉ nhận văn của Tòa án: Số 56 L, phường C, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Tấn T, sinh năm 1983.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ thường trú tại: Tổ 25, khóm 2, Phường H, thành phố C (nay là phường C), tỉnh Đ; Cùng địa chỉ liên lạc: Số 56 L, phường C, tỉnh Đ.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ngân hàng TMCP H yêu cầu ông Nguyễn Thanh T và bà Trương Thị Mỹ C trả số tiền vay và lãi tính đến ngày 10/02/2026 là 12.153.335.405 đồng (mười hai tỷ một trăm năm mươi ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ năm đồng) (trong đó, gốc 11.201.666.666 đồng, nợ lãi 946.003.897 đồng, lãi quá hạn/phí là 5.664.842 đồng) (có bảng kê tính lãi kèm theo) theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số 111-00029188.08601/2024/HĐCV ngày 19/04/2024 và Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số 111-00029188.08603/2024/HĐCV ngày 19/04/2024; Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng kể từ ngày 11/02/2026 cho đến khi thi hành xong khoản nợ.

2.2 Ông Nguyễn Thanh T và bà Trương Thị Mỹ C đồng ý trả cho Ngân hàng Ngân hàng TMCP H số tiền vay và lãi tính đến ngày 10/02/2026 là 12.153.335.405 đồng (mười hai tỷ một trăm năm mươi ba triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn bốn trăm lẻ năm đồng) (trong đó, gốc 11.201.666.666 đồng, nợ lãi 946.003.897 đồng, lãi quá hạn/phí là 5.664.842 đồng) (có bảng kê tính lãi kèm theo) theo Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số 111-00029188.08601/2024/HĐCV ngày 19/04/2024 và Hợp đồng cho vay kiêm Giấy nhận nợ số 111-00029188.08603/2024/HĐCV ngày 19/04/2024; Đồng ý tiếp tục tính lãi phát sinh theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng kể từ ngày 11/02/2026 cho đến khi thi hành xong khoản nợ.

2.3 Ngân hàng TMCP H, ông Nguyễn Thanh T và bà Trương Thị Mỹ C, ông Nguyễn Tấn T bà Nguyễn Thị L thống nhất thỏa thuận: Trường hợp, ông Nguyễn Thanh T và bà Trương Thị Mỹ C không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Hđược quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản thế chấp là:

2.3.1 Bất động sản 1: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 1027, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: ấp Thị T, thị trấn N, huyện C, tỉnh H (nay là xã C, Thành phố C) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 222132, vào số cấp GCN số: CS 04019 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H (nay là Thành phố C) cấp ngày 03/12/2019. Cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn T vào ngày 27/04/2023 thuộc sử dụng của ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị L.

2.3.2 Bất động sản 2: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 1259, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: ấp Thị T, thị trấn N, huyện C, tỉnh H (nay là xã C, Thành phố C) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số số CT 167619, vào số cấp GCN số: CS 04018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh H (nay là Thành phố C) cấp ngày 03/12/2019. Cập nhật chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tấn T vào ngày 27/04/2023 thuộc sử dụng của ông Nguyễn Tấn T và bà Nguyễn Thị L.

2.3.3 Các tài sản thế chấp nêu trên đang được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 014/2024/BD ngày 19/04/2024 do Phòng Công chứng Nguyễn Xuân T - huyện C, tỉnh H (nay là Thành phố C) chứng nhận ngày 19/04/2024, số công chứng 800 quyển số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD. Đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/04/2024 để thu hồi nợ vay.

2.4 Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh T và bà Trương Thị Mỹ C tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 60.076.668 đồng.

Ngân hàng TMCP H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 59.806.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010797ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

2.5 Về chị phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 3.190.000 đồng, nguyên đơn đã tạm ứng và chi xong. Ông Nguyễn Thanh T và bà Trương Thị Mỹ C tự nguyện trả lại cho Ngân hàng TMCP H số tiền 3.190.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND KV6-ĐT;
- THADS Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Ong Thị Ngọc Tâm